

KẾ THỪA KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT SỐ TẠI VIỆT NAM

Phạm Việt Bình, Lê Đức Anh*, Hoàng Thu Trang, Nguyễn Đăng Thảo Minh, Nguyễn Ngọc Mai
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội
Lê Hà Phương
Trường Đại học Quốc gia Hà Nội
*Email: ducanhviet123@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích kinh nghiệm quốc tế về chuyển đổi số nhằm làm rõ giá trị tham khảo đối với quá trình xây dựng phương thức sản xuất số tại Việt Nam. Trên cơ sở phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh chính sách, bài viết tập trung khảo cứu một số mô hình tiêu biểu như Liên minh châu Âu với định hướng chủ quyền số và lấy con người làm trung tâm, Hoa Kỳ với cách tiếp cận gắn chuyển đổi số với an ninh và khả năng chống chịu, Trung Quốc với quan niệm dữ liệu là yếu tố sản xuất mới, cùng mô hình nhà nước kiến tạo ở Singapore và Hàn Quốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số trên thế giới không còn là hoạt động ứng dụng công nghệ đơn thuần mà đã trở thành quá trình tái cấu trúc lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và phương thức quản trị quốc gia. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ quá trình kế thừa và vận dụng ở Việt Nam qua các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, qua đó khẳng định Việt Nam đang chuyển từ tư duy tin học hóa, số hóa đơn lẻ sang tư duy kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, dữ liệu và công nghệ để từng bước hình thành phương thức sản xuất số. Từ những phân tích đó, bài viết đề xuất một số giải pháp trọng tâm gồm hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng và vốn dữ liệu, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ lõi, đồng thời xây dựng nhận thức và ý thức xã hội số phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và tự chủ trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: chuyển đổi số; phương thức sản xuất số; kinh nghiệm quốc tế; dữ liệu số; thể chế số; Việt Nam.

INHERITING INTERNATIONAL EXPERIENCE IN DIGITAL TRANSFORMATION FOR BUILDING A DIGITAL MODE OF PRODUCTION IN VIETNAM

Abstract: This article analyzes international experiences in digital transformation in order to clarify their reference value for the process of building a digital mode of production in Vietnam. Based on methods of analysis, synthesis, and policy comparison, the article focuses on examining several typical models, including the European Union with its orientation toward digital sovereignty and a human-centered approach, the United States with its approach linking digital transformation to security and resilience, China with its view of data as a new factor of production, and the developmental-state models of Singapore and South Korea. The findings show that digital transformation worldwide is no longer merely an activity of applying technology, but has become a process of restructuring productive forces, production relations, and modes of national governance. On that basis, the article clarifies the process of inheritance and application in Vietnam through important documents of the Party and the State, thereby affirming that Vietnam is shifting from a mindset of isolated computerization and digitization toward one of institutional design, digital infrastructure development, data, and technology in order to gradually form a digital mode of production. From these analyses, the article proposes several key solutions, including improving institutions, developing infrastructure and data capital, enhancing the capacity to master core technologies, and building social awareness and consciousness suited to the requirements of rapid, sustainable, and autonomous development in the digital era.

Keywords: digital transformation; digital mode of production; international experience; digital data; digital institutions; Vietnam.

Nhận bài: 04/03/2026

Phản biện: 25/03/2026

Duyệt đăng: 29/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, chuyển đổi số đã trở thành xu thế phát triển mang tính toàn cầu, làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là phương thức sản xuất. Nếu trước đây công nghệ số chủ yếu được nhìn nhận như công cụ hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động, thì hiện nay công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và Internet vạn vật đang trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra của cải vật chất, tái cấu trúc chuỗi giá trị và định hình lại quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số không còn là lựa chọn mang tính kỹ thuật, mà đã trở thành yêu cầu chiến lược đối với sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia.

Trên thế giới, các quốc gia và khu vực lớn đều đã xây dựng những mô hình chuyển đổi số với định hướng khác nhau, phù hợp với điều kiện thể chế, trình độ phát triển và lợi ích chiến lược của mình. Liên minh châu Âu nhấn mạnh chủ quyền số và lấy con người làm trung tâm; Hoa Kỳ đề cao đổi mới sáng tạo gắn với an ninh và năng lực cạnh tranh; Trung Quốc xem dữ liệu là yếu tố sản xuất mới và đặt chuyển đổi số trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia; trong khi Singapore và Hàn Quốc nổi bật với mô hình nhà nước kiến tạo, chủ động đầu tư hạ tầng số để dẫn dắt phát triển. Những kinh nghiệm đó cho thấy chuyển đổi số không chỉ là quá trình ứng dụng công nghệ, mà thực chất là quá trình tái cấu trúc lực lượng sản

xuất, quan hệ sản xuất và phương thức quản trị xã hội trong thời đại số.

Đối với Việt Nam, chuyển đổi số đã và đang được xác định là một động lực quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia và từng bước hình thành phương thức sản xuất số. Từ Nghị quyết số 36-NQ/TW năm 2014, Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 đến Quyết định số 749/QĐ-TTg năm 2020 và các định hướng mới trong giai đoạn chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng, tư duy lý luận và thực tiễn về chuyển đổi số ở Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể. Vấn đề đặt ra hiện nay không chỉ là thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong từng ngành, từng lĩnh vực, mà quan trọng hơn là kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để xây dựng một phương thức sản xuất số phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết tập trung phân tích kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu về chuyển đổi số, làm rõ cách thức một số quốc gia và khu vực đã tiếp cận, tổ chức và thể chế hóa quá trình này; đồng thời xem xét quá trình kế thừa, vận dụng của Việt Nam trong xây dựng phương thức sản xuất số. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, nâng cao năng lực công nghệ và hình thành nền tảng xã hội phù hợp cho sự phát triển của phương thức sản xuất số ở nước ta.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kinh nghiệm quốc tế về chuyển đổi số

Lịch sử phát triển nhân loại trong những thập niên đầu thế kỷ XXI đang chứng kiến sự thay đổi mang tính kiến tạo, nơi công nghệ số vượt qua giới hạn của các công cụ kỹ thuật thuần túy để trở thành môi trường sống và phương thức sản xuất chủ đạo. Khi công nghệ số ngày càng được tích hợp sâu vào mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị xã hội, chuyển đổi số không còn là ứng dụng công nghệ đơn thuần mà trở thành quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc nói riêng và phương thức sản xuất nói chung dựa trên các công nghệ số (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020). Nhận thức về vai trò của chuyển đổi số đã có sự dịch chuyển mạnh mẽ trên bình diện quốc tế cũng như trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Sự dịch chuyển này đi từ quan niệm công nghệ hóa

các quy trình sẵn có sang tiếp cận chuyển đổi số như một cuộc cách mạng thay đổi cấu trúc vận hành của nền kinh tế và kiến trúc thượng tầng chính trị - xã hội.

Trên bản đồ chính sách toàn cầu, vai trò của chuyển đổi số không được nhìn nhận đồng nhất mà phân hóa mạnh mẽ tùy thuộc vào thể chế chính trị, trình độ phát triển và mục tiêu chiến lược của từng quốc gia.

Liên minh châu Âu (EU) đặt trọng tâm vào “Chủ quyền số” và quyền con người. Trong văn bản chiến lược La bàn Kỹ thuật số 2030 (2030 Digital Compass), EU không coi công nghệ là mục tiêu mà là phương tiện để đạt được sự tự chủ chiến lược và bảo vệ các giá trị dân chủ châu Âu trước sự xâm lấn của các nền tảng công nghệ ngoại lai: Chuyển đổi số không chỉ là việc các doanh nghiệp dùng công cụ số để tiếp cận thị trường, mà là yếu tố cốt lõi để định hình lại toàn bộ cấu trúc xã hội và tiến bộ của con người. Quan điểm này đánh dấu sự thay đổi lớn trong nhận thức: chuyển đổi số phải phục vụ cho mục tiêu bao trùm xã hội, nơi con người là trung tâm hay vì lợi nhuận hay sự kiểm soát. Các quy định như GDPR hay Đạo luật AI không chỉ là rào cản kỹ thuật mà là công cụ chính trị để EU thiết lập các tiêu chuẩn toàn cầu. Đối với EU, vai trò kinh tế của chuyển đổi số gắn liền với việc xây dựng một thị trường chung kỹ thuật số an toàn, nơi dữ liệu được bảo vệ như một tài sản cá nhân bất khả xâm phạm, đồng thời thúc đẩy các mục tiêu bền vững xanh.

Ngược lại với cách tiếp cận dựa trên quy định của châu Âu, Hoa Kỳ trong một thời gian dài đã duy trì quan điểm dẫn dắt bởi thị trường, tin tưởng rằng sự tự do đổi mới của khu vực tư nhân sẽ tối ưu hóa vai trò kinh tế của công nghệ. Tuy nhiên, Chiến lược An ninh Mạng Quốc gia 2023 đã đánh dấu bước ngoặt trong tư duy của Washington khi xác định không gian số là một mặt trận chiến lược (The White House, 2023). Chính phủ Mỹ chuyển sang vai trò can thiệp tích cực hơn nhằm định hình lại các lực lượng thị trường để đảm bảo an ninh và khả năng phục hồi. Theo đó, vai trò của chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở tăng trưởng GDP mà còn là bảo vệ cơ sở hạ tầng trọng yếu và các giá trị dân chủ. Trách nhiệm bảo đảm an ninh số được chuyển dịch từ người dùng cuối sang các nhà cung cấp công nghệ và nền tảng lớn, khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc thiết lập các tiêu chuẩn an toàn ngay từ khâu thiết kế.

Tại Châu Á, vai trò của nhà nước trong chuyển đổi số thể hiện rõ nét hơn thông qua các kế hoạch phát triển dài hạn. Trung Quốc coi chuyển đổi số là công cụ để thực hiện các mục tiêu chính trị và kinh tế tập trung dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Nhà nước. Sự phát triển từ chiến lược “Internet Plus” (2015) tập trung vào việc tích hợp internet vào các ngành công nghiệp truyền thống sang Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021-2025) cho thấy một bước tiến về tư duy lý luận. Lần đầu tiên, dữ liệu được xác định là một yếu tố sản xuất ngang hàng với đất đai, lao động, vốn và kỹ thuật (State Council of China, 2021). Vai trò của chuyển đổi số tại Trung Quốc là công cụ để tối ưu hóa quản trị xã hội, giám sát an ninh và đạt được sự tự chủ công nghệ để thoát khỏi sự phụ thuộc vào phương Tây. Đây là mô hình mà Nhà nước không chỉ ban hành luật chơi mà còn là người chơi chính, trực tiếp đầu tư và định hướng dòng chảy dữ liệu để phục vụ các mục tiêu quốc gia.

Tương tự, các quốc gia phát triển như Singapore và Hàn Quốc cũng áp dụng mô hình nhà nước kiến tạo nhưng với cách tiếp cận linh hoạt hơn. Singapore với sáng kiến Quốc gia Thông minh và bản cập nhật Smart Nation 2.0 năm 2024 xác định vai trò của công nghệ là tái cấu trúc chính phủ để phục vụ công dân, tập trung vào ba trụ cột: sự tin cậy, tăng trưởng và cộng đồng (Smart Nation Singapore, 2024). Trong khi đó, Hàn Quốc thông qua Thỏa thuận mới kỹ thuật số (Digital New Deal) sử dụng đầu tư công vào hạ tầng dữ liệu như một đòn bẩy để kích cầu kinh tế (Government of the Republic of Korea, 2020). Điểm chung của nhóm này là nhà nước đóng vai trò nhà đầu tư dẫn dắt, tạo hạ tầng nền tảng để khu vực tư nhân phát triển.

2.2. Kế thừa, vận dụng trong công cuộc xây dựng phương thức sản xuất số tại Việt Nam

Việt Nam đã trải qua một quá trình chuyển biến sâu sắc về nhận thức đối với vai trò của công nghệ số, thể hiện qua những bước phát triển có tính nhảy vọt về chất trong tư duy lãnh đạo và hoạch định chính sách. Ở giai đoạn đầu, Nghị quyết số 36-NQ/TW năm 2014 của Bộ Chính trị chủ yếu xem công nghệ thông tin là hạ tầng quan trọng, với trọng tâm là ứng dụng công nghệ vào các quy trình sẵn có. Bản chất của giai đoạn này vẫn là tin học hóa, trong đó công nghệ đóng vai trò công cụ hỗ trợ để nâng cao năng suất lao động trong các mô hình vận hành truyền thống. Bước ngoặt

quan trọng xuất hiện với Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019, khi “chuyển đổi số” lần đầu tiên được xác định là giải pháp đột phá. Tiếp đó, Quyết định số 749/QĐ-TTg năm 2020 về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đã chính thức định hình mô hình phát triển dựa trên ba trụ cột: Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số. Điểm đáng chú ý là Việt Nam không sao chép nguyên mẫu quốc tế mà đã bản địa hóa mạnh mẽ, đặc biệt khi xác định Xã hội số là một trụ cột độc lập, bao hàm cả văn hóa số và sự tham gia của người dân vào quản trị quốc gia.

Trong bối cảnh chuẩn bị cho Đại hội XIV, tư duy lý luận về chuyển đổi số tiếp tục được nâng lên tầm mới. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 khẳng định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là “chìa khóa vàng” để vượt qua bẫy thu nhập trung bình, nguy cơ tụt hậu và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước. Quan điểm này được cụ thể hóa sâu sắc hơn qua bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm về chuyển đổi số như một động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Trong cách tiếp cận đó, Việt Nam vừa học hỏi tinh tế kinh nghiệm quốc tế, như mô hình chính phủ số dựa trên dữ liệu, cách tiếp cận nhà nước kiến tạo và đầu tư hạ tầng của Hàn Quốc, Singapore, vừa xây dựng bản sắc riêng phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội của mình. Điểm đặc thù của Việt Nam là theo đuổi mục tiêu kép: phát triển mạnh kinh tế số hướng tới 30% GDP, đồng thời thúc đẩy kinh tế xanh hướng tới 10% GDP vào năm 2030 gắn với các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Từ đó, chuyển đổi số ở Việt Nam không còn được hiểu đơn thuần là ứng dụng công nghệ mà đã được nhìn nhận như quá trình xác lập một “phương thức sản xuất số”. Theo cách tiếp cận này, lực lượng sản xuất đang chuyển từ lao động thủ công sang sự kết hợp giữa con người, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu, trong đó dữ liệu trở thành tư liệu sản xuất quan trọng. Đồng thời, sự phát triển nhanh của lực lượng sản xuất số đòi hỏi quan hệ sản xuất, tức thể chế, pháp luật và cơ chế quản lý, phải thay đổi tương ứng để không trở thành lực cản. Vì vậy, trọng tâm chuyển đổi số hiện nay đang dịch chuyển từ đầu tư hạ tầng kỹ thuật sang tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, công nhận tài sản số và bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia. Nhìn tổng

thể, chuyển đổi số đã vượt ra ngoài ý nghĩa kinh tế thuần túy để trở thành động lực chính trị then chốt, là phương thức đổi mới lãnh đạo, quản lý và đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Chính sự thay đổi trong nhận thức này đặt ra yêu cầu phải xây dựng tư duy mới trong đo lường và đánh giá hiệu quả chuyển đổi số, không chỉ dừng ở hạ tầng hay thiết bị mà cần hướng tới những biến đổi về chất trong thể chế và hiệu quả kinh tế – xã hội.

2.3. Một số giải pháp nhằm phát triển hơn nữa quá trình xây dựng phương thức sản xuất số tại Việt Nam

Để xây dựng và phát triển phương thức sản xuất số một cách toàn diện, bên cạnh việc phát huy nội lực, chúng ta cần chọn lọc và tích hợp kinh nghiệm từ các quốc gia đi trước.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật và cải cách bộ máy quản trị nhà nước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng kiến tạo phát triển. Trong vấn đề này, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu (EU) khi họ đặt trọng tâm vào “Chủ quyền số”, ban hành Đạo luật AI hay GDPR để bảo vệ dữ liệu như một tài sản cá nhân bất khả xâm phạm và lấy con người làm trung tâm của tiến bộ. Đồng thời, có thể tham khảo sự dịch chuyển của Hoa Kỳ khi Nhà nước can thiệp tích cực hơn vào việc thiết lập các tiêu chuẩn an toàn an ninh mạng, hoặc cách Trung Quốc đi tiên phong trong việc chính thức xem dữ liệu là một yếu tố sản xuất cốt lõi ngang hàng với đất đai, lao động và vốn.

Thứ hai, phát triển hạ tầng số và chính thức hóa “vốn dữ liệu” như tư liệu sản xuất cốt lõi. Tương tự như chiến lược của Trung Quốc khi định vị dữ liệu là một yếu tố sản xuất ngang hàng với đất đai, lao động, vốn và kỹ thuật, Việt Nam cần xác lập rõ quyền sở hữu, định hướng dòng chảy dữ liệu để phục vụ các mục tiêu quốc gia, một trong những kết quả của quá trình vận dụng kinh nghiệm này là Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (số 91/2025/QH15) ban hành vào tháng 1 năm 2026. Bên cạnh đó, có thể áp dụng mô hình “nhà nước kiến tạo” linh hoạt của Singapore (sáng kiến Quốc gia Thông minh) và Hàn Quốc (Thỏa thuận mới kỹ thuật số - Digital New Deal). Theo đó, Nhà nước đóng vai trò là nhà đầu tư dẫn dắt, sử dụng đầu tư công vào hạ tầng dữ liệu như một đòn bẩy kích cầu kinh tế và tạo nền tảng vững chắc để khu vực tư nhân bứt phá.

Thứ ba, tiến tới làm chủ công nghệ lõi. Cần xây dựng hạ tầng số đồng bộ và ứng dụng sâu rộng các nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT). Thực tiễn từ nền sản xuất thông minh của Đức (tập trung tự động hóa và dữ liệu), Hoa Kỳ (phát triển giải pháp AI) hay Nhật Bản (tích hợp công nghệ số vào quy trình sản xuất) là những hình mẫu tiêu biểu. Để làm chủ công nghệ lõi, Việt Nam cần tập trung vượt qua “thung lũng chết” trong việc hấp thụ công nghệ trước khi tiến tới làm chủ công nghệ lõi. Dựa trên báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) về bài học của 108 quốc gia không thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình (như sự thất bại của Brazil), Việt Nam tuyệt đối không được bỏ qua giai đoạn “hấp thụ công nghệ”. Cần chấp nhận đầu tư nâng cao nguồn nhân lực, thay đổi quy trình sản xuất và vượt qua “cái hố” khó khăn ban đầu trước khi có thể tự nghiên cứu công nghệ mới.

Cuối cùng, và là giải pháp mang tính bền vững, bởi chuyển đổi số thực chất trước hết phải chuyển đổi tư duy trước tiên, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức số, hình thành tư duy số và tiến tới “ý thức xã hội số”.

Theo quan điểm của C. Mác, tồn tại xã hội (trong đó phương thức sản xuất là yếu tố quan trọng nhất và quyết định nhất) giữ vai trò nền tảng, quyết định toàn bộ các bình diện của đời sống xã hội, chính trị và tinh thần. Nói cách khác, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội chứ không phải ngược lại. Tuy nhiên, mỗi quan hệ này mang tính biện chứng sâu sắc: ý thức xã hội sở hữu tính độc lập tương đối và có khả năng tác động ngược trở lại tồn tại xã hội. Tính độc lập này được thể hiện qua nhiều khía cạnh: ý thức xã hội thường phản ánh chậm hơn so với những biến đổi của thực tại, nhưng đồng thời cũng có khả năng vượt trước, dự báo và định hướng cho tương lai. Tựu chung lại, sự tác động của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội diễn ra theo hai chiều hướng: hoặc trở thành động lực thúc đẩy, hoặc biến thành lực cản kìm hãm sự phát triển của xã hội.

Vì vậy, Việt Nam cần triển khai công tác tuyên truyền sâu rộng, cụ thể thông qua báo chí, mạng xã hội và đội ngũ báo cáo viên để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu, đồng thuận về kỷ nguyên số và phương thức sản xuất số. Thông qua đó, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn

vinh, khát vọng vươn tới sự tiên tiến, văn minh, hiện đại, tạo thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn cộng hưởng từ từng cá nhân đến toàn dân tộc để đất nước bứt phá vươn mình, tạo lập “ý thức xã hội số”.

III. KẾT LUẬN

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy chuyển đổi số chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong một chiến lược phát triển tổng thể, trong đó thể chế, hạ tầng dữ liệu, năng lực công nghệ và vai trò kiến tạo của Nhà nước cùng vận hành đồng bộ; đồng thời, dữ liệu ngày càng được xác lập như một nguồn lực và tư liệu sản xuất mới của nền kinh tế số (European Commission, 2021; The White House, 2023;

World Bank, 2024). Đối với Việt Nam, việc kế thừa kinh nghiệm quốc tế không phải là sao chép mô hình, mà là tiếp thu có chọn lọc để hoàn thiện hành lang pháp lý, phát triển hạ tầng số, nâng cao năng lực hấp thụ và làm chủ công nghệ, từ đó từng bước hình thành phương thức sản xuất số phù hợp với điều kiện trong nước. Các định hướng được thể hiện qua Quyết định số 749/QĐ-TTg, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 cho thấy Việt Nam đang chuyển từ tư duy ứng dụng công nghệ sang tư duy kiến tạo nền tảng thể chế cho phát triển nhanh, bền vững và tự chủ trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị. (2014). *Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. https://cds.moh.gov.vn/web/guest/trang-chu/-/asset_publisher/9VNAsbzEbQA/content/nghe-quyet-57-nq-tw-ngay-22-12-2024-cua-bo-chinh-tri-ve-ot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-oi-moi-sang-tao-va-chuyen-oi-so-quoc-gia
- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2020). *Cẩm nang Chuyển đổi số. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông*.
- Mác, C., & Ăngghen, Ph. (2004). *Toàn tập (Tập 13)*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- European Commission. (2021). *Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European Economic and Social Committee and the Committee of the Regions: 2030 digital compass: The European way for the digital decade (COM/2021/118 final)*. Brussels, Belgium: Author. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52021DC0118>
- European Parliament, & Council of the European Union. (2016). *Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council on the protection of natural persons with regard to the processing of personal data and on the free movement of such data, and repealing Directive 95/46/EC (General Data Protection Regulation)*. Official Journal of the European Union, L 119, 1-88. <https://data.europa.eu/eli/reg/2016/679/oj>
- European Parliament, & Council of the European Union. (2024). *Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council laying down harmonised rules on artificial intelligence and amending related Union legal acts (Artificial Intelligence Act)*. Official Journal of the European Union, L, 2024/1689. <https://data.europa.eu/eli/reg/2024/1689/oj>
- Hulkó, G., Kálmán, J., & Lapsánszky, A. (2025). *The politics of digital sovereignty and the European Union's legislation: Navigating crises*. *Frontiers in Political Science*, 7, 1548562. <https://doi.org/10.3389/fpos.2025.1548562>
- Ministry of Digital Development and Information. (2024). *Smart Nation 2.0: A thriving digital future for all*. Singapore: Author. <https://go.gov.sg/sn2report>
- Ministry of Economy and Finance. (2020). *Korean New Deal: National strategy for a great transformation*. Sejong, Republic of Korea: Author. https://english.moef.go.kr/co/fixFileDown.do?orgNm=Korean_New_Deal.pdf
- Quốc hội. (2024). *Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15*. Công báo, 1523 + 1524. <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/luat-so-60-2024-qh15-43563.htm>
- Quốc hội. (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15*. Công báo, 971 + 972. <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/luat-so-91-2025-qh15-45578.htm>
- State Council of the People's Republic of China. (2015). *Guiding opinions on actively promoting the “Internet Plus” action*. https://www.gov.cn/zhengce/content/2015-07/04/content_10002.htm
- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=200163&pageid=27160>
- The White House. (2023). *National cybersecurity strategy*. Washington, DC: Author. <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2023/03/National-Cybersecurity-Strategy-2023.pdf>
- Tô Lâm. (2024). *Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/chuyen-doi-so-dong-luc-quan-trong-phat-trien-luc-luong-san-xuat-hoan-thien-quan-he-san-xuat-dua-dat-nuoc-buoc-va-ky-nguyen-moi-102240901141502722.htm>
- Viện Chiến lược Chuyển đổi số. (2023). *Thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- World Bank. (2024). *World Development Report 2024: The middle-income trap*. Washington, DC: World Bank. <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-2078-6>
- Xinhua News Agency. (2021). *Outline of the People's Republic of China 14th Five-Year Plan for National Economic and Social Development and Long-Range Objectives Through the Year 2035*. Government of the People's Republic of China. https://www.gov.cn/xinwen/2021-03/13/content_5592681.htm